

# BÀN VỀ VẤN ĐỀ PHÂN ĐÔI KHÁI NIỆM TRONG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

*Hoàng Quảng Lực*

*Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình*

**Tóm tắt.** Trên cơ sở lý thuyết phân chia khái niệm, trong logic học, bài viết phân tích những bất cập trong nội dung Điều 56 Bộ Luật tố tụng dân sự và một số điều luật khác, từ đó đề xuất hướng giải quyết nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc khi áp dụng quy định của các Điều luật này.

**Từ khoá:** *Phân đôi khái niệm, Điều 56 Bộ Luật tố tụng dân sự.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Có thể thấy một hiện tượng là trong các văn bản quy phạm pháp luật, Nhà làm luật thường đưa ra các trường hợp, các tình huống dự kiến khác nhau, để từ đó chủ thể áp dụng pháp luật có cơ sở giải quyết các sự việc phát sinh trong đời sống xã hội. Bản chất của việc làm trên suy cho cùng là thao tác phân chia khái niệm. Việc phân chia khái niệm nếu tuân thủ chặt chẽ các quy tắc của logic học sẽ góp phần quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật; còn nếu ngược lại sẽ cho ra đời những văn bản quy phạm pháp luật chất lượng không cao, gây khó khăn, phiền hà trong quá trình áp dụng pháp luật.

## 2. NỘI DUNG

Phân chia khái niệm là thao tác logic, căn cứ vào một cơ sở (hay thuộc tính) phân chia nào đó để chia khái niệm thành các khái niệm hẹp hơn.

Phân đôi khái niệm là một trường hợp cụ thể của phân chia khái niệm, được ứng dụng tương đối phổ biến, rộng rãi trong đời sống, theo đó khái niệm ban đầu được chia thành hai khái niệm hẹp hơn. Đây là cách phân chia giản tiện, dễ dàng, giúp ta nắm được thông tin cơ bản, nhưng ngắn gọn nhất, nhanh nhất về đối tượng.

Về mặt lý thuyết việc phân đôi khái niệm khá đơn giản, cụ thể là căn cứ vào cơ sở phân chia để chia khái niệm ban đầu thành hai nhóm: nhóm có dấu hiệu A, và nhóm không có dấu hiệu A (còn gọi là nhóm có dấu hiệu không A, hay nhóm có dấu hiệu phủ định của A). Thế nhưng, trong thực tiễn việc phân đôi khái niệm dễ xảy ra mắc sai lầm do tư duy thiếu logic. Chẳng hạn dựa trên cơ sở phân chia là độ tuổi, người ta có thể phân chia dân cư trong một địa hạt nào đó thành hai nhóm là nhóm người cao tuổi (những người từ đủ 60 tuổi trở lên)[1] và nhóm những người không phải là người cao tuổi (những người dưới 60 tuổi). Việc phân chia như vậy là chặt chẽ, vì bảo đảm tính triệt để (tức là không có người nào bị bỏ sót, cụ thể một người không thuộc nhóm này thì chắc chắn phải thuộc nhóm kia); đồng thời không dễ xảy ra hiện tượng trùng lặp (tức là một người bất kỳ không thể đồng thời ở cả hai nhóm). Tuy nhiên nếu việc phân chia cũng dựa trên cơ sở độ tuổi, nhưng người phân chia không dựa theo các dấu hiệu là người cao tuổi và người không phải là người cao tuổi, mà theo các dấu hiệu người già

và người trẻ, thì việc phân chia sẽ nảy sinh vướng mắc hoặc không đạt yêu cầu. Lý do là vì pháp luật nước ta chỉ quy định thế nào là người cao tuổi, người già, chứ không quy định thế nào là người trẻ, mặc dù thực tế cuộc sống chúng ta vẫn nói rằng người này là đã già, còn người kia thì còn trẻ. Mặt khác khái niệm già, trẻ sử dụng trong đời sống hàng ngày là hai khái niệm đối lập nhau, chứ không phải phủ định nhau, nên nếu thực hiện việc phân chia theo các dấu hiệu như vậy sẽ xảy ra hiện tượng phân chia không triệt để (tức là có thể có những cư dân không thuộc nhóm nào). Đây là những sai lầm tương đối phổ biến khi thực hiện việc phân đôi khái niệm.

Xin nêu ví dụ về sự thiếu chặt chẽ trong tư duy logic khi phân đôi khái niệm trong xây dựng pháp luật, dẫn đến việc áp dụng pháp luật gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc.

**Ví dụ:** Điều 56 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Quyết định việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án quy định như sau:

1. Trước khi mở phiên tòa, việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án do Chánh án Tòa án quyết định. Trường hợp Thẩm phán bị thay đổi là Chánh án Tòa án thì thẩm quyền quyết định việc thay đổi như sau:

a) Thẩm phán là Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện thì do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định;

b) Thẩm phán là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền theo lãnh thổ đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh đó quyết định;

c) Thẩm phán là Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao thì do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

2. Tại phiên tòa, việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án do Hội đồng xét xử quyết định sau khi nghe ý kiến của người bị yêu cầu thay đổi. Hội đồng xét xử thảo luận tại Phòng nghị án và quyết định theo đa số. Trường hợp phải thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án thì Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa. Chánh án Tòa án quyết định cử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án thay thế người bị thay đổi. Nếu người bị thay đổi là Chánh án Tòa án thì thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc thay đổi Thẩm phán, Thư ký Tòa án khi giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 368 Bộ luật này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoãn phiên tòa, phiên họp, Chánh án Tòa án phải cử người khác thay thế.

Khi xây dựng Điều luật này, Nhà làm luật có thể chưa lường hết các tình huống có thể xảy ra trong thực tế, cũng như không lường hết sự không rõ ràng, có thể có nhiều cách hiểu của khái niệm **trước khi mở phiên tòa**, nên nghĩ rằng trong trường hợp đương sự có yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng trên và nếu không thực hiện yêu cầu này trước khi mở phiên tòa, thì chỉ có thể thực hiện yêu cầu thay đổi tại

phiên tòa và ngược lại nếu có yêu cầu nhưng không thực hiện yêu cầu thay đổi tại phiên tòa thì chỉ có thể thực hiện yêu cầu thay đổi trước khi mở phiên tòa; không thể xảy ra khả năng nào khác ngoài hai khả năng trên. Mặt khác mỗi khả năng đều đã quy định rõ ràng thẩm quyền thuộc về ai, nên quy định như vậy là hoàn toàn chặt chẽ.

Thế nhưng thực tế áp dụng Điều luật này lại có vướng mắc về hiểu thế nào khái niệm **trước khi mở phiên tòa**. Hiện đang có hai quan điểm về vấn đề này.

Quan điểm thứ nhất cho rằng trước khi mở phiên tòa là trước khi có quyết định bằng văn bản về đưa vụ án ra xét xử, do đó từ thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm quyền quyết định thay đổi những người tiến hành tố tụng trên không còn thuộc Chánh án Tòa án, Chánh án Tòa án cấp trên. Theo quan điểm này thì khoảng thời gian từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến khi phiên tòa được mở (tức Hội đồng xét xử họp giải quyết vụ án), nếu có yêu cầu thì không ai có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án được. Do đó trong khoảng thời gian này Chánh án tòa án phải chuyển đơn yêu cầu của đương sự cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để lưu đơn vào trong hồ sơ vụ án, chờ đến ngày xét xử vụ án, Hội đồng xét xử sẽ đưa ra xem xét quyết định. Nếu cho rằng trước khi mở phiên tòa là trước khi Hội đồng xét xử họp để tiến hành giải quyết vụ án, mà không phải là trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì trong trường hợp phiên tòa đã tiến hành nhưng sau đó phải hoãn vì lý do nào đó (đây là trường hợp xảy ra khá phổ biến trong xét xử án dân sự), sau phiên tòa hoãn đương sự làm đơn yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng trên, thì sẽ không có cách giải quyết, vì đây là trường hợp yêu cầu thay đổi sau khi mở phiên tòa, mà sau khi mở phiên tòa thì Điều luật không quy định cách giải quyết. **Đây là quan điểm phổ biến và chính thống hiện nay[2].**

Quan điểm thứ hai cho rằng Điều luật này quy định hai trường hợp thay đổi những người tiến hành tố tụng trên rất rõ ràng. Trường hợp thứ nhất là thay đổi người tiến hành tố tụng tại phiên tòa, tức là việc người có thẩm quyền xem xét việc thay đổi khi có yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng trên trong thời gian Hội đồng xét xử đang tiến hành phần thủ tục phiên tòa xét xử vụ án. Trường hợp này thẩm quyền quyết định chấp nhận hay không đối với yêu cầu của đương sự thuộc về Hội đồng xét xử. Trường hợp thứ hai là thay đổi những người tiến hành tố tụng trên trước khi mở phiên tòa. Để hiểu đúng trường hợp này cần phải phân biệt khái niệm thời điểm mở phiên tòa và khái niệm **thời điểm ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử**. Đây là hai thời điểm hoàn toàn khác nhau. Thời điểm mở phiên tòa là thời điểm Hội đồng xét xử họp để xem xét giải quyết vụ án theo quyết định đưa vụ án ra xét xử được ban hành trước đó. Do đó **trước khi mở phiên tòa** phải được hiểu là trước khi Hội đồng xét xử họp để tiến hành giải quyết vụ án, chứ không phải là trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng phiên tòa chưa được mở, thì thẩm quyền thay đổi những người tiến hành tố tụng trên vẫn thuộc Chánh án Tòa án. Trong trường hợp có yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng trên sau khi Hội đồng xét

xử đã hoãn phiên tòa một hoặc nhiều lần, thì đây thực chất cũng chỉ là trường hợp yêu cầu thay đổi trước khi mở phiên tòa (phiên tòa nói ở đây là phiên tòa dự kiến sẽ được mở, chứ không phải là phiên tòa đã được hoãn). Do đó thẩm quyền xem xét yêu cầu thay đổi vẫn thuộc Chánh án Tòa án. Khi xây dựng pháp luật, Nhà làm luật có thể không hình dung hết những gì thực tiễn sẽ xảy ra, nên quy định thường khái quát, không thật cụ thể. Tuy nhiên Điều luật thể hiện rõ tinh thần là Nhà làm luật muốn quy định hai trường hợp thay đổi những người tiến hành tố tụng trên, một trường hợp là khi Hội đồng xét xử đang làm việc, trường hợp này việc giao thẩm quyền xem xét việc thay đổi cho Hội đồng xét xử là thỏa đáng, vì họ đang giải quyết vụ án, nếu để các chủ thể khác giải quyết thì chắc chắn phải hoãn phiên tòa, làm việc giải quyết vụ phải kéo dài không cần thiết; trường hợp còn lại là khi Hội đồng xét xử không làm việc, cần phải giao cho các chủ thể khác giải quyết để việc giải quyết được kịp thời. Nếu theo quan điểm thứ nhất thì sẽ có một khoảng trống thời gian mà việc giải quyết yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng không có chủ thể nào có thẩm quyền giải quyết. Cụ thể là sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nếu có yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, thì lúc này không ai có thẩm quyền giải quyết, mà phải chờ đến khi Hội đồng xét xử họp phiên tòa để xét xử vụ án, yêu cầu này mới được xem xét giải quyết. Điều này là trái với bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân [3] và trái với một trong những nguyên tắc hoạt động của các cơ quan nhà nước chúng ta, đó là đối với những công việc thuộc thẩm quyền của mình, tại bất kỳ thời điểm nào cũng phải có chủ thể có thẩm quyền giải quyết, nhằm bảo đảm yêu cầu của người dân được xem xét giải quyết kịp thời, hạn chế do bức xúc vì yêu cầu của mình chậm được giải quyết, mà họ gửi đơn thư khiếu nại, tố cáo đến nhiều nơi, làm phức tạp tình hình một cách không đáng có. Thực tiễn cũng đã có những vụ án có khiếu nại, tố cáo phức tạp như vậy, do khi giải quyết yêu cầu thay đổi của đương sự, Tòa án đã theo quan điểm thứ nhất. Khi xây dựng Điều luật này, chắc chắn Nhà làm luật không có ý định để tồn tại một khoảng trống quyền lực như thế. Mặt khác Điều 49 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm nhân dân có quy định như sau: “Khi được Chánh án Toà án phân công, Hội thẩm nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau: 1. Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa; ...”. Nếu hiểu khái niệm trước khi mở phiên tòa là trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử như quan điểm thứ nhất thì quy định này không thực hiện được, vì lúc này chưa có danh sách Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử vụ án, nên không thể giao hồ sơ cho Hội thẩm nghiên cứu được và hơn nữa cũng không có lý do gì họ không được nghiên cứu hồ sơ sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chưa đến ngày xét xử.

Về cơ bản chúng tôi đồng tình với cách giải thích pháp luật của quan điểm thứ hai, đồng thời xin trao đổi thêm khía cạnh khác của vấn đề là kỹ thuật lập pháp mà phần đầu bài viết đã đề cập.

Quy định của Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và một số điều luật tương tự khác của Bộ luật này cũng như của các Luật, Bộ luật khác[4] thực chất là một trường hợp phân đôi khái niệm, trong đó trong trường hợp này khái niệm cần phân đôi là quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng của đương sự trong khoảng thời gian pháp luật quy định họ được thực hiện quyền này, để từ đó quy định cách giải quyết tương ứng với từng trường hợp phân chia. Khoảng thời gian này được xác định từ khi đương sự biết được ai là người tiến hành tố tụng trong vụ án, cho đến khi hoàn thành phần thủ tục của phiên tòa cuối cùng xét xử vụ án (phiên tòa cuối cùng xét xử vụ án ở đây ý muốn nói là phiên tòa của chính Tòa án đó xét xử, diễn ra sau những phiên tòa trước đó phải hoãn vì một lý do nào đó). Để phân đôi khái niệm này, theo logic học, ta phải chia thành hai nhóm, nhóm có dấu hiệu A và nhóm có dấu hiệu không A). Việc đưa các dấu hiệu **trước khi mở phiên tòa** và **tại phiên tòa** như quy định tại các điều 56, 62 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là không bảo đảm nguyên tắc này, vì chúng không phải là phủ định của nhau. Cụ thể nếu hiểu dấu hiệu trước khi mở phiên tòa theo quan điểm thứ nhất là trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì phủ định của dấu hiệu này phải là dấu hiệu ngay khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chứ không phải là dấu hiệu tại phiên tòa (tuy nhiên trong thực tế ta có thể bỏ qua thời điểm ngay khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì đời sống thực tế không cần sự chính xác đến từng phút giây như vậy, nên dấu hiệu phủ định trong trường hợp này chỉ cần là sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử). Còn nếu dấu hiệu trước khi mở phiên tòa được hiểu là trước khi Hội đồng xét xử họp giải quyết vụ án như quan điểm thứ hai, thì cũng có vướng mắc, đó là trong trường hợp có phiên tòa phải hoãn, khi đó khoảng thời gian trước khi mở phiên tòa không xác định được, do Điều luật không quy định rõ phiên tòa nói ở đây là phiên tòa nào, do đó các dấu hiệu trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa chưa hẳn đã là phủ định của nhau. Với những phân tích trên, theo chúng tôi nên trình bày lại Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, cụ thể là nếu ý của Nhà làm luật đúng như giải thích của quan điểm thứ nhất thì Điều luật cần được trình bày lại như sau:

Điều 56. Quyết định việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, thư ký Tòa án.

1. **Trước khi có quyết định đầu tiên về đưa vụ án ra xét xử**, việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án do Chánh án Tòa án quyết định. Trường hợp Thẩm phán bị thay đổi là Chánh án Tòa án thì thẩm quyền quyết định việc thay đổi như sau:

- a) Thẩm phán là Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện thì do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định;
- b) Thẩm phán là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền theo lãnh thổ đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh đó quyết định;

c) Thẩm phán là Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao thì do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

2. **Sau khi có quyết định đầu tiên về đưa vụ án ra xét xử**, việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án do Hội đồng xét xử quyết định sau khi nghe ý kiến của người bị yêu cầu thay đổi. Hội đồng xét xử thảo luận tại Phòng nghị án và quyết định theo đa số. Trường hợp phải thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án thì Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa. Chánh án Tòa án quyết định cử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án thay thế người bị thay đổi. Nếu người bị thay đổi là Chánh án Tòa án thì thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc thay đổi Thẩm phán, Thư ký Tòa án khi giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 368 Bộ Luật này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoãn phiên tòa, phiên họp, Chánh án Tòa án phải cử người khác thay thế.

Còn nếu ý của Nhà làm luật đúng như giải thích của quan điểm thứ hai của chúng tôi, thì Điều luật cần được trình bày lại như sau:

“ Điều 56. Quyết định việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, thư ký Tòa án.

1. Việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án **tại phiên tòa**, do Hội đồng xét xử quyết định sau khi nghe ý kiến của người bị yêu cầu thay đổi. Hội đồng xét xử thảo luận tại Phòng nghị án và quyết định theo đa số. Trường hợp phải thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án thì Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa. Chánh án Tòa án quyết định cử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án thay thế người bị thay đổi. Nếu người bị thay đổi là Chánh án Tòa án thì thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án **không tại phiên tòa** do Chánh án Tòa án quyết định. Trường hợp Thẩm phán bị thay đổi là Chánh án Tòa án thì thẩm quyền quyết định việc thay đổi như sau:

a) Thẩm phán là Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện thì do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định;

b) Thẩm phán là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền theo lãnh thổ đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh đó quyết định;

c) Thẩm phán là Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao thì do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

3. Việc thay đổi Thẩm phán, Thư ký Tòa án khi giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 368 Bộ Luật này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoãn phiên toà, phiên họp, Chánh án Toà án phải cử người khác thay thế.

Với cách trình bày rõ ràng như vậy, chúng tôi nghĩ rằng sẽ không còn khó khăn, vướng mắc khi áp dụng quy định pháp luật này.

### 3. KẾT LUẬN

Ngoài Điều luật này, hệ thống văn bản quy phạm nước ta còn có rất nhiều điều khoản của các văn bản này cách quy định tương tự trên, gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật. Mong rằng bài viết này được các Nhà làm luật quan tâm để đưa quan điểm bài viết vào các Văn bản pháp luật sẽ được xây dựng trong tương lai. Trước mắt đề nghị Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan khác cần có văn bản thống nhất hướng dẫn Điều 56 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và một số điều luật khác có cách diễn đạt tương tự như quan điểm thứ hai đã trình bày ở trên để tạo điều kiện thuận lợi cho các Toà án khi thực hiện nhiệm vụ xét xử.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật Người cao tuổi (2009), (Điều 2).
- [2] Quan điểm của Lãnh đạo TANDTC tại Hội nghị tập huấn nghiệp vụ các Toà án khu vực Miền Trung- Tây Nguyên (2015), tại Hội An, Quảng Nam.
- [3] Hiến pháp năm 2013, (Điều 2).
- [4] Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015 (các Điều 52,53,54).
- [ 5] Luật tố tụng hành chính năm 2015 (các Điều 49,52).

### A DISCUSSION ON THE DIVISION OF CONCEPTS IN LAWMAKING

***Abstract.** On the basis of the division of concepts in logic, the author has identified problems in interpreting Article 56 of the Civil Procedure Code and proposes solutions to overcome these problems. A similar approach can also be applied to other codes and laws where similar problems exist.*

***Keywords:** division of concepts; article 56 of the Civil Procedure Code*